**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 18**

**MÔN: TIẾNG VIỆT - LỚP 3**

**BÀI: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc thuộc lòng

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc *Nắng hồng*

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tham gia học tập, biết liên hệ bản thân

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương, biết giúp đỡ , chia sẻ với bạn

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ, tự giác tham gia các hoạt động của lớp

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, Phiếu bốc thăm bài đọc.

- HS: SHS, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (2 phút)**  **-** GV mở bài hát: Vươn hai tay với lấy ông mặt trời, Hs hát và tập theo các động tác của bài.  - GV nhận xét, kết nối bài học. | - HS hát và làm theo động tác của bài hát |
| **2. Hoạt động khám phá và luyện tập:**  Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng và đọc thuộc lòng  **-** GV yêu cầu HS đọc yêu cầu BT1.  - GV mời HS bốc thăm bài đọc.  - GV yêu cầu HS lắng nghe và dò bài theo  - GV đưa ra câu hỏi.  - Gv nhận xét HS  Hoạt động 2: Ôn luyện đọc hiểu ( 22 phút)  \* Luyện đọc thành tiếng  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trả lời câu hỏi: Em hãy đoán xem bài đọc nói về nội dung gì?  - GV giới thiệu bài *Nắng hồng*  **-**GV đọc mẫu toàn bài: giọng đọc thong thả, chậm rãi, dừng hơi lâu sau mỗi đoạn.  \* Luyện đọc từ, giải nghĩa từ  - HD luyện đọc từ khó: xám ngắt, se sẻ, màn sương.  **\*** Luyện đọc đoạn  - Yêu cầu HS đọc đoạn theo nhóm 4.  - Mời HS đọc nối tiếp đoạn trước lớp.  - GV nhận xét, sửa sai.  **\*** Luyện đọc hiểu:  - GV yêu cầu HS đọc thầm để chuẩn bị trả lời câu hỏi ở SHS trang 135.  Câu 1: Mùa đông, bầu trời và cây cối thế nào?  Câu 2: Se sẻ và chị ong làm gì vào mùa đông?  Câu 3: Chiếc áo choàng của mẹ được so sánh với hình ảnh nào?  Câu 4: Điều gì thay đổi khi mẹ về nhà?  Câu 5: Em thích hình ảnh nào trong bài? Vì sao?  + GV mời HS trả lời câu hỏi  - GV: Mẹ và nụ cười của mẹ chính là vạt nắng hồng sưởi ấm mùa đông buốt giá, đem mùa xuân về làm sáng bừng ngôi nhà nhỏ chính là nội dung bài đọc Nắng hồng | - HS đọc yêu cầu BT1  -HS bốc thăm, đọc thành tiếng hoặc thuộc lòng một đoạn trong bài đọc đã học và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.  - Hs trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh và trả lời : Nội dung bài đọc nói về thời tiết mùa đông rất lạnh và mẹ cùng nụ cười của mẹ chính là vạt nắng hồng sưởi ấm mùa đông buốt giá.  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc từ khó, HS nhận xét.  - HS đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 4, HS khác lắng nghe và nhận xét, sửa sai.  2-3 nhóm đọc trước lớp, HS theo dõi nhận xét.  - HS đọc yêu cầu  - HS lắng nghe và tìm câu trả lời  - Mặt trời đi trốn, cây khoác tấm áo nâu, áo trờ thì xám ngắt  -Se Sẻ giấu tiếng hát, núp sâu trong mái nhà. Chị ong không đến vườn hoa  - Chiếc áo choàng của mẹ được so sánh với hình ảnh "như đốm nắng đang trôi".  - Điều thay đổi khi mẹ về nhà: Mang theo vạt nắng hồng, cả mùa xuân sáng bừng.  -Em thích hình ảnh khi mẹ về nhà. Vì hình ảnh ấy rất đẹp và ý nghĩa. Mẹ về nhà như mang nắng về khiến căn nhà trở nên sáng bừng và ấm áp như mùa xuân.  - HS lắng nghe |
| **3. Củng cố, dặn dò( 1 phút)**  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài học.  - Yêu cầu HS chuẩn bị bài cho tiết học sau.  - Nhận xét giờ học. | - HS nhắc lại  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc thuộc lòng

- Luyện tập viết chữ hoa C,G,S,L,E,I,K cỡ nhỏ, tên địa danh và câu ứng dụng.

- Phân biệt d/r hoặc ăn/ăng

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tham gia học tập, biết liên hệ bản thân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Yêu đất nước và tự hào về quê hương

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương, biết giúp đỡ, chia sẻ với bạn

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ, tự giác tham gia các hoạt động của lớp

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập , giúp các em hiểu nghề nào cũng đáng quý, đáng trân trọng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, Phiếu bốc thăm bài đọc, Mẫu chữ viết hoa C,G,S,L,E,I, K

- HS: SHS, vở, VTV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (2 phút)**  - Gv cho hs nghe bài hát: Việt Nam quê hương tôi.  - GV kết nối bài học. | - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động khám phá và luyện tập**  Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng và đọc thuộc lòng (10 phút)  **-** GV yêu cầu HS đọc yêu cầu BT1.  - GV đưa ra câu hỏi.  - Gv nhận xét HS  Hoạt động 2: Ôn luyện viết chữ  a. Ôn viết chữ C,G,S,L,E,I,K ( 5 phút)  Bước 1: Hoạt động cả lớp  - GV giới thiệu mẫu chữ hoa C,G,S,L,E,I, K  - GV yêu cầu HS viết vào VTV  b. Ôn luyện viết từ ( 5 phút)  - GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu về tên riêng Sơn La, Cần Thơ, Kiên Giang.  - GV giới thiệu và kết hợp xác định vị trí các tỉnh trên bản đồ hành chính Việt Nam, xem một số tranh ảnh về Sơn La, Cần Thơ, Kiên Giang.  - GV yêu cầu HS viết Sơn La, Cần Thơ, Kiên Giang .  c. Ôn luyện viết câu ứng dụng ( 6 phút)  - GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:  - GV mời HS trả lời nội dung của bài ca dao.  - Gv lưu ý HS viết hoa đầu câu và dòng thơ thứ nhất thụt đầu dòng 2 ô li, dòng thơ thứ hai thụt đầu dòng 1 ô li.  - GV yêu cầu HS viết vào VBT  d. Luyện viết thêm ( 5 phút)  - GV yêu cầu HS quan sát các tên riêng.  - GV mời 3-4 HS chia sẻ nững hiểu biết của bản thân về các tên riêng đó.  - GV giới thiệu kèm hình ảnh về Lý Thường Kiệt, Trần Quang Khải, Lê Thị Hồng Gấm, đồng bằng sông Cửu Long.  Hoạt động 3: Đánh giá bài viết ( 2 phút)  - GV kiểm tra, nhận xét một số bài trên lớp.  - GV yêu cầu HS sửa lại bài viết nếu chưa đúng.  - GV khen ngợi những HS viết đúng, viết đẹp. Hoạt động 4: Phân biệt ăn/ăng ( 4 phút**)**  - GV yêu cầu HS đọc BT4b trang 135  - GV yêu cầu nhóm trưởng điều hành các bạn làm việc ( khăn trải bàn)  - Gv mời 1-2 nhóm trình bày bài làm của nhóm  - GV nhận xét | - HS đọc yêu cầu BT1  - HS bốc thăm, đọc thành tiếng hoặc thuộc lòng một đoạn trong bài đọc đã học và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.  - HS lắng nghe và dò bài  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, tiếp thu  -HS quan sát mẫu chữ hoa C,G,S,L,E,I, K cỡ nhỏ và nhắc lại chiều cao.  - HS viết vào vở tập viết.  - HS lắng nghe, quan sát  - HS quan sát và nhận xét cách viết các tên riêng Sơn La, Cần Thơ, Kiên Giang.  - HS viết vào vở tập viết.  - HS đọc và tìm hiểu ca dao  - Bài ca dao nói đến vẻ đẹp tinh khiết của hoa sen qua đó ca ngợi vẻ đẹp, phẩm chất của con người Việt Nam, đặc biệt là những người lao động.  - HS viết VBT  - HS quan sát  - Hs trả lời theo sự hiểu biết của mình.  - HS lắng nghe, quan sát  - HS viết VB  - HS lắng nghe GV chữa bài, tự soát lại bài của mình.  - HS đọc yêu cầu BT4b  - NT điều hành các bạn làm việc  - HS trình bày bài của nhóm: nhạt – mặn; cong – thẳng; đen – trắng; mềm – căng.  - HS lắng nghe |
| **3. Củng cố, dặn dò ( 1 phút)**  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài học.  - Yêu cầu HS chuẩn bị bài cho tiết học sau.  - Nhận xét giờ học. | - HS nhắc lại  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc thuộc lòng

**-** Ôn luyện về phép tu từ so sánh, từ ngữ có nghĩa giống nhau, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.

- Ôn luyện dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, ôn luyện câu kể, câu hỏi.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tham gia học tập, biết liên hệ bản thân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân : Yêu thương, biết giúp đỡ, chia sẻ với bạn

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ, tự giác tham gia các hoạt động của lớp

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SHS, SGV, phiếu bốc thăm bài đọc; thẻ từ

- HS: SHS, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (2 phút)**  - GV cho HS nghe bài hát: Cô giáo em | - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động Khám phá và luyện tập:**  Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng và đọc thuộc lòng (12 phút)  **-** GV yêu cầu HS đọc yêu cầu BT1.  - GV cho HS bốc thăm, đọc thành tiếng hoặc thuộc lòng một đoạn trong bài đọc đã học và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.  - GV yêu cầu HS lắng nghe và dò bài theo  - GV đưa ra câu hỏi.  - Gv nhận xét HS  Hoạt động 2: Ôn luyện về phép tu từ so sánh, từ ngữ có nghĩa giống nhau, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau. ( 8 phút)  a. Ôn luyện từ ngữ dùng để so sánh  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu BT2 trang 136 và đọc bài thơ.  - GV yêu cầu HS làm bài vào VBT  - GV mời 1- 2 HS chia sẻ kết quả  - GV yêu cầu HS suy nghĩ để tìm tác dụng của hình ảnh so sánh  - Gv mời 1- 2 HS trả lời  - GV nhận xét, chốt  HĐ3. Ôn luyện từ ngữ có nghĩa giống nhau, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau ( 8 phút)  **-** GV yêu cầu HS đọc yêu cầu BT3 trang 136 và đọc từ ngữ cho trước  Bước 1: Làm việc nhóm đôi  - GV yêu cầu HS tìm từ có nghĩa giống nhau, từ ngữ có nghĩa trái ngược  Bước 2: Hoạt động cả lớp  - GV mời 1 – 2 HS chia sẻ kết quả  - GV mời 2-3 HS đặt câu với 1 số từ vừa tìm được.  - GV nhận xét, tuyên dương.  HĐ4. Ôn luyện dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than; ôn luyện câu kể, câu hỏi ( 8 phút)  - Mời HS đọc yêu cầu BT4 trang 136 và đọc đoạn văn.  - GV hỏi yêu cầu bài tập là gì?  - Yêu cầu HS làm bài vào VBT.  - GV nhận xét bài  - Mời 1 HS đọc lại đoạn văn sau khi điền dấu  Bước 3: Hoạt động cả lớp  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu BT5 trang 136  - Yêu cầu HS làm bài nhóm đôi  - GV mời 2 – 3 cặp HS chữa bài trước lớp  - GV nhận xét  -GV: Câu hỏi thường có các từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, không,...). Khi viết cuối câu hỏi thường có dấu hỏi chấm (?) Câu kể: Cuối câu thường có dấu chấm (.) | - HS đọc yêu cầu BT1  - HS bốc thăm và đọc bài  - HS lắng nghe và dò bài  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu  - 1HS đọc bài thơ  - HS tìm từ ngữ, hình ảnh theo nhóm đôi  - HS làm VBT  Cô giáo em  Hiền như cô Tấm  Giọng cô đầm ấm  Như lời mẹ ru  Tác dụng: làm cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn, gợi lên người đọc hình ảnh cô giáo hiền dịu, giọng nói ấm áp rất gần gũi.  - HS chia sẻ kết quả  - HS suy nghĩ trả lời  - Nhờ có các hình ảnh so sánh bài thơ sinh động hơn, hình ảnh co giáo hiện lên thật đẹp, thật gần gũi như một người mẹ  - Hs lắng nghe  - HS đọc yêu cầu, đọc từ ngữ  - HS thảo luận nhóm đôi tìm và nêu.  - HS thống nhất và làm VBT  Hiền: lành - dữ, quả- trái, chín – xanh, tiếng ca- tiếng hát.  - HS đặt câu. HS nhận xét.  - 1HS đọc yêu cầu, đọc đoạn văn  - HS trả lời điền dấu vào ô trống.  - dấu chấm, dấu chấm, dấu chấm, dấu chấm than, dấu hỏi  - Hs lắng nghe  - HS đọc đoạn văn  - HS xác định yêu cầu  - HS làm việc nhóm đôi  - Câu hỏi: Những chữ gì trên tấm biển kia?  - Câu kể: Giữa vườn lá um tùm xanh mướt còn ướt sương đêm, một bông hoa rập rờn trước gió. Màu hoa đỏ thắm. Bé vừa đánh vần vừa đọc.  - HS lắng nghe |
| **3. Củng cố, dặn dò ( 2 phút)**  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài học.  - Yêu cầu HS chuẩn bị bài cho tiết học sau.  - Nhận xét giờ học. | - HS nhắc lại  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**BÀI: ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Đọc đúng và trả lời câu hỏi một đoạn văn, đoạn thơ có độ dài 70 – 80 tiếng, tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng/ 1 phút

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tham gia học tập, biết liên hệ bản thân

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương, biết giúp đỡ , chia sẻ với bạn

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ, tự giác tham gia các hoạt động của lớp

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, Tờ thăm ghi các đoạn của đọc thành tiếng.

- HS: SHS, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (2 phút)**  - GV cho HS nghe một bài hát.  **2. Đánh giá kĩ năng đọc:** ( 36 phút)  Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện nội dung kiểm tra đọc thành tiếng  - GV yêu cầu HS bắt thăm đoạn đọc: Điều đặc biệt, cách viết nhật kí đọc sách, Sài Gòn của em, chim sơn ca.  - GV mời HS đọc bài bắt thăm và trả lời câu hỏi  - GV nhận xét, đánh giá HS | - HS lắng nghe  - HS bắt thăm  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe |
| **3. Củng cố, dặn dò ( 2 phút)**  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài học.  - Yêu cầu HS chuẩn bị bài cho tiết học sau.  - Nhận xét giờ học. | - HS nhắc lại  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**BÀI: ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài *Các em nhỏ và cụ già*

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tham gia học tập, biết liên hệ bản thân

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Yêu thương tôn trọng người lớn tuổi

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương, biết giúp đỡ , chia sẻ với bạn

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ, tự giác tham gia các hoạt động của lớp

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SHS, SGV

- HS: SHS, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (2 phút)**  -GV cho HS nghe 1 bài hát và hát theo | - HS hát |
| **2. Hoạt động Khám phá và luyện tập:**  Hoạt động 1: Luyện đọc củng cố - Học thuộc lòng (15 phút)  - GV hướng dẫn HS thực hiện nội dung kiểm tra đọc hiểu bài Các em nhỏ và cụ già  - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi về nội dung bài đọc Các em nhỏ và cụ già và làm bài  - GV mời HS chia sẻ trước lớp  + Đọc câu văn cuối đoạn 1 để tìm chi tiết cho thấy cuộc dạo chơi của các bạn nhỏ rất vui.  + Đọc câu văn đầu đoạn 2 để biết các bạn nhỏ dừng lại làm gì?  + Qua cuộc trao đổi với ông cụ, em hãy tìm chi tiết cho thấy các bạn nhỏ rất ngoan.  + Em đọc lời nói của ông cụ trong đoạn văn thứ tư để biết vì sao các bạn nhỏ không giúp được gì nhưng ông cụ văn thấy lòng nhẹ hơn?  + Từ ngữ “Một lát sau” chỉ thời gian, vậy em suy nghĩ xem nó trả lời cho câu hỏi nào?  + Em hãy đọc đoạn văn thứ tư để biết câu văn nào dưới đây thể hiện cảm xúc của các bạn nhỏ với nỗi buồn của ông cụ.  + Thương cảm có nghĩa là cảm động và thương xót trước một tình cảnh nào đó.Em hãy tìm từ ngữ có nghĩa giống như vậy.  + Em thích chi tiết nào trong bài đọc? Vì sao?  + Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì?  - GV nhận xét và đánh giá HS | - HS lắng nghe  - HS đọc thầm bài đọc  - HS đọc thầm bài Các em nhỏ và cụ già trả lời câu hỏi.  - HS chia sẻ  +Tiếng nói cười ríu rít.  + Để hỏi thăm một cụ già đang buồn bã.  + Các bạn lễ phép hỏi ông cụ.  + Vì các em nhỏ đã biết quan tâm, chia sẻ với ông cụ.  + Khi nào?  + Các em nhìn cụ già đầy thương cảm.  + bi cảm, cảm thương  + Em thích nhất chi tiết “Đám trẻ lặng đi. Các em nhìn cụ già đầy thương cảm”. Chi tiết này cho thấy những đứa trẻ thật ngoan và tốt bụng. Các em có một tình yêu thương con người sâu sắc khi thấy thương cảm trước cảnh một cụ già có chuyện buồn.  + Bài đọc giúp em hiểu thêm về sự sẻ chia trong cuộc sống. Đôi khi giúp đỡ người khác không phải là chúng ta cho họ vật gì, mà sự cho đi lớn nhất đó là sự đồng cảm và sẻ chia với những niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống.  - HS lắng nghe |
| **3. Củng cố, dặn dò ( 2 phút)**  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài học.  - Yêu cầu HS chuẩn bị bài cho tiết học sau.  - Nhận xét giờ học. | - HS nhắc lại  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy:**

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ I**

**TOÁN**

**Bài 57: ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Ôn tập, củng cố kĩ năng nhận dạng và gọi tên các hình đã học, kiểm tra góc vuông, góc không vuông.

- Ôn tập về tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông.

-Có biểu tượng và nhận biết đ[ược đơn vị ml,](https://blogtailieu.com/) ước lượng được số đo [của một số đồ vật có đơn](https://blogtailieu.com/) vị là ml.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về hình học và đo lường để tính toán, ước lượng giải quyết vấn đề trong cuộc sống.

- Phát triển năng lực tư duy trừu tượng, lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, Bảng phụ ghi các bài tập.

- HS: SGK , vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi “Đố bạn” để khởi động bài học.  - Cách chơi: LT điều hành trò chơi, nêu các câu đố có nội dung về kiến thức hình học và đo lường và gọi bạn trả lời:  + Đố bạn đơn vị đo khối lượng nào chúng mình đã được học ở lớp 3?  + Để đo nhiệt độ người ta dùng đơn vị đo nào?  + Đố bạn 1l = ? ml  - GV nhận xét dẫn dắt vào bài Ôn tập về hình học và đo lường (Tiết 1) | - HS tham gia trò chơi  - Đơn vị đo khối lượng là g  - Để đo nhiệt độ người ta dùng đơn vị đo độ C    1l = 1000 ml  - HS lắng nghe, nhắc lại tên bài học. |
| **2. Luyện tập***:*  Bài 1. Dùng ê ke kiểm tra rồi nêu tên góc vuông, góc không vuông. (Làm việc cá nhân)  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ rồi làm bài cá nhân.  - GV quan sát, lưu ý HS đặt ê ke cho đúng.  - GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả với bạn theo cặp.  - Mời HS báo cáo trước lớp.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  - Chốt cách đọc góc vuông, góc không vuông, cách kiểm tra góc vuông bằng ê ke.  Bài 2: Đo độ dài các cạnh rồi tính chu vi mỗi hình (Làm việc cá nhân)  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  - GV hỏi bài tập có mấy yêu cầu  - Mời HS nêu tên hình và các đỉnh, cạnh, góc có trong mỗi hình.  - GV Nhận xét.  - GV yêu cầu HS dùng thước kẻ có vạch cm đo độ dài các cạnh của mỗi hình rồi tính chu vi của hình đó.  - Gọi HS báo cáo kết quả đo được.  - Gọi HS chữa bài trên bảng, lớp đổi vở kiểm tra cho nhau.  - GV nhận xét, sửa sai.  - Gọi HS nêu cách tính chu vi hình chữ nhật, hình tam giác.(GV có thể hỏi thêm cách tính chu vi của hình tứ giác, hình vuông)  - GV nhận xét, khen ngợi HS  Bài 3. (Làm việc cặp đôi)  -Bạn Voi làm thí nghiệm rót lần lượt mật ong, nước lọc và dầu ăn vào bình đo như hình sau:  + Các em quan sát thấy mỗi vạch chia nhỏ trên bình đo ứng với bao nhiêu ml?  - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ và nói cho bạn nghe những gì mình quan sát được.  **-** GV mời HS trao đổi trước lớp về thí nghiệm của bạn Voi trong hình.  a) Có bao nhiêu mi- li-lít mật ong?  b) Có bao nhiêu mi-li-lít dầu ăn?  c) Bình đo đang đựng tất cả bao nhiêu mi-li-lít gồm mật ong, nước lọc và dầu ăn?  + Làm thế nào em biết được có tất cả 440 ml gồm mật ong, nước lọc và dầu ăn trong bình đo?  - GV nhận xét, tuyên dương HS. | - 1 HS đọc trước lớp  - HS quan sát hình vẽ, nhận diện bằng mắt thường góc vuông, góc không vuông, rồi dùng ê ke kiểm tra lại.  - HS thao tác với ê ke và nói cho bạn cùng bàn nghe cách dùng ê ke để kiểm tra góc vuông, góc không vuông.  - HS dùng ê ke kiểm tra hình vẽ trên bảng và chia sẻ trước lớp:  + Góc vuông đỉnh N, cạnh NM và NP.  + Góc vuông đỉnh I, cạnh IH và IK.  + Góc không vuông đỉnh O, cạnh OA và OB.  + Góc không vuông đỉnh Y, cạnh YX và YZ.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - 1 HS nêu đề bài.  - Bài tập có 2 yêu cầu  - HS quan sát, chia sẻ:  + Hình chữ nhật ABCD có 4 góc đỉnh A, B, C, D đều là góc vuông và có 4 cạnh là: AB, BC, CD, CD.  + Hình tam giác MLN có 3 góc đỉnh là M, L, N và có 3 cạnh là ML, LN, NM.  - HS làm việc cá nhân vào VBT  - HS nêu miệng, lớp theo dõi nhận xét.  - HS chia sẻ bài làm trên bảng lớp.  Bài giải  Chu vi hình chữ nhật ABCD là:  ( 4 + 2) x 2 = 12 (cm)  Đáp số: 12cm  Bài giải  Chu vi hình tam giác MLN là:  2 + 3 + 4 = 9 (cm)  Đáp số: 9cm  - Lớp theo dõi, nhận xét.  - 2HS nêu lại:  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát, đọc  - Mỗi vạch ứng với 10ml.  - HS quan sát hình ảnh trao đổi trong nhóm theo câu hỏi của bạn Voi.  - HS chia sẻ trước lớp:  a) Có 200 mi- li-lít mật ong.  b) Có 90 mi-li-lít dầu ăn.  c) Bình đo đang đựng tất cả 440 mi-li-lít gồm mật ong, nước lọc và dầu ăn.  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS chia sẻ cách làm |
| **3. Vận dụng.**  **-** Đo và tính chu vi quyển sáchquyển vở Toán của em.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học. | - HS làm bài sau đó chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ........................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 57: ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Có biểu tượng và nhận biết đ[ược các công cụ đo đại lượng: khối](https://blogtailieu.com/) lượng, thể tích, thời gian, góc vuông.

-Vận dụng kiến thức gấp một số lên một số lần, giảm một số đi một số lần vào thực hành vẽ đoạn thẳng theo yêu cầu.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về đo lường để giải được bài toán thực tế có [liên quan đến số đo](https://blogtailieu.com/) [khối lượng.](https://blogtailieu.com/)

- Phát triển năng lực tư duy lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực hoạt động học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, Bảng phụ ghi các bài tập.

- HS: SGK , vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  **-** GV tổ chức cho HS hát bài “Mấy giờ rồi”  + Bài hát nói về điều gì?  + Qua bài hát em biết được công cụ đo nào? Dùng để đo đại lượng nào?  + Em còn biết công cụ đo đại lượng nào khác?  - GV nhận xét, giới thiệu bài: Ôn tập về hình học và đo lường (Tiết 2) | - HS hát và kết hợp động tác phụ họa  - HS chia sẻ  - Công cụ đo là đồng hồ, dùng để đo là thời gian.  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe, nhắc lại tên bài học |
| **2. Luyện tập***:*  Bài 4. (Làm việc cặp đôi)  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ, nêu tên các công cụ đo và nói về tác dụng của từng công cụ đo.  - GV quan sát các nhóm làm việc, có thể đặt câu hỏi cho HS chia sẻ.  - GV gọi HS báo cáo trước lớp.  + Dụng cụ nào để xác định khối lượng?  + Các dụng cụ còn lại dùng để đo đại lượng nào?  - GV mời HS khác nhận xét.  + Ngoài các công cụ đo trên, em còn biết công cụ đo nào khác?  + Em và những người thân đã sử dụng các công cụ đo trên vào việc nào?  **-** GV nhận xét, khen ngợi HS liên hệ tốt Kết luận: Mỗi đơn vị đo sẽ có công cụ đo tương ứng. Trong thực tế cuộc sống, có rất nhiều công cụ đo khác nhau giúp con người đo đạc dễ dàng phục vụ cho nhu cầu đa dạng của cuộc sống.  Bài 5: (Làm việc cá nhân)  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  + Bài tập yêu cầu gì?  + Các em cần vẽ mấy đoạn thẳng?  + Bài cho biết số đo đoạn thẳng nào?  + Độ dài đoạn thẳng CD như thế nào so với độ dài đoạn thẳng AB?  + Độ dài đoạn thẳng MN như thế nào so với độ dài đoạn thẳng AB?  - Gọi HS nêu cách vẽ đoạn thẳng AB?  - GV yêu cầu HS dùng thước kẻ có vạch cm thực hành vẽ đoạn thẳng theo yêu cầu vào vở.  - Gọi HS thực hành trên bảng lớp  - Yêu cầu HS chia sẻ cách xác định độ dài đoạn thẳng CD, MN.  - GV và HS nhận xét bài trên bảng, Củng cố lại kiến thức gấp một số lên một số lần, giảm một số đi một số lần, cách vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.  Bài 6. (Làm việc nhóm 4)  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV chia lớp thành các nhóm 4, thảo luận và làm bài giải trên phiếu bài tập nhóm theo câu hỏi:  + Nấm hương khô nặng bao nhiêu gam?  + Sau khi ngâm nước, số nấm hương đó cân nặng bao nhiêu gam?  + Vậy sau khi ngâm nước, lượng nấm hương đó nặng thêm bao nhiêu gam? Vì sao lượng nấm hương đó nặng thêm?  - Gọi các nhóm trình bày, nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét tuyên dương các nhóm. | - 1 HS đọc to, lớp theo dõi  - HS quan sát hình vẽ, trao đổi theo cặp về các công cụ đo và nói về tác dụng của từng công cụ đo.  - HS trao đổi trước lớp: 2 em lên bảng chỉ vào từng hình và nói cho các bạn nghe  + HS1: Những dụng cụ dùng để xác định khối lượng là: cân đĩa, cân đồng hồ, cân móc và cân sức khỏe.  + HS2: Ê ke dùng để xác định góc vuông.  Bình chia độ dùng để đo thể tích. Đồng hồ dùng để đo thời gian.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Cân tiểu li, cân phân tích điện tử, ca chia độ, cốc chia độ, lịch, ...  + HS nối tiếp chia sẻ. VD:  -Em dùng cân đồng hồ để kiểm tra cân nặng của con gà giúp mẹ.  -Mẹ em dùng cân tạ để cân lúa bán.  -Em dùng bình có vạch chia độ để pha sữa cho em bé...  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  -Vẽ đoạn thẳng AB dài 4cm. Vẽ đoạn thẳng CD dài gấp 2 lần đoạn thẳng AB. Vẽ đoạn thẳng MN dài bằng độ dài đoạn thẳng AB giảm đi 2 lần.  + Bài yêu cầu vẽ đoạn thẳng  + Vẽ 3 đoạn thẳng  + Đoạn thẳng AB dài 4cm.  + Độ dài đoạn thẳng CD gấp 2 lần độ dài đoạn thẳng AB.  + Độ dài đoạn thẳng MN bằng độ dài đoạn thẳng AB giảm đi 2 lần.  - 1HS chia sẻ, lớp theo dõi nhận xét  - HS làm việc cá nhân vào vở. Đổi chéo vở kiểm tra bài.  - 1 HS thực hành vẽ 3 đoạn thẳng trên bảng lớp.  - HS nêu cách xác định đoạn thẳng cần vẽ:  + Độ dài đoạn thẳng CD là:4 x 2 = 8 (cm)  + Độ dài đoạn thẳng MN là:4 : 2 = 2 (cm)  - HS lắng nghe  - HS đọc, xác định YC của bài.  - HS làm việc nhóm 4. Thảo luận và hoàn thành bài tập vào phiếu bài tập nhóm.  + Nấm hương khô nặng 120g.  + Sau khi ngâm nước, số nấm hương đó cân nặng 407g.  + Trao đổi trả lời  - Đại diện các nhóm chia sẻ bài làm:  Bài giải  Sau khi ngâm nước lượng nấm hương đó nặng thêm số gam là:  407 – 120 = 287(g)  Đáp số: 287 g nấm hương  - Các nhóm nhận xét lẫn nhau. |
| **3. Vận dụng.**  - GV đưa ra một số tình huống thực tế, yêu cầu HS suy nghĩ, ước lượng đưa ra câu trả lời thật nhanh và chính xác.  + Em hãy cho biết cốc nước này đựng được khoảng bao nhiêu ml nước?  + Hộp phấn này nặng khoảng bao nhiêu gam?  + Quả cam này cân nặng bao nhiêu gam?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - HS ước lượng và nêu trước lớp.  - HS nhận xét, bổ sung |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 58: ÔN TẬP CHUNG (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Ôn tập các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số trong phạm vi 1000 và vận dụng để giải quyết vấn đề thực tế.

- Nhận biết và xác định được một phần mấy của một hình cho trước.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sang tạo: tham gia tích cực trò chơi, vậndụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, Bảng phụ ghi các bài tập.

- HS: SGK , vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi “Đố bạn” để khởi động bài học.  + Câu 1: 35 + 0 = ?  + Câu 2: 29 – 0 = ?  + Câu 3: 46 x 0 = ?  + Câu 4: 0 : 28 = ?  + Câu 5: 1 x 99 = ?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Ôn tập chung | - HS tham gia trò chơi  + 35 + 0 = 35  + 29 – 0 = 29  + 46 x 0 = 0  + 0 : 28 = 0  + 1 x 99 = 99  - HS lắng nghe, nhắc lại tên bài học. |
| **2. Luyện tập***:*  Bài 1.  a) Tính nhẩm (Làm việc cả lớp)  **-** Yêu cầu HS nêu đề bài  - GV tổ chức cho HS chơi Trò chơi “Truyền điện” để cùng hỏi đáp về kết quả của các phép tính.  - GV nhận xét, tuyên dương.  ***b)*** Đã tô màu vào một phần mấy mỗi hình sau? (Làm việc theo cặp)  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi: quan sát kĩ từng hình rồi nêu phép tính tươngứng.  - Tổ chức báo cáo kết quả trước lớp  -GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: (Làm việc cá nhân)  a) Đặt tính rồi tính  - GV cho HS nêu yêu cầu bài  - GV cho HS làm việc cá nhân đặt tính và tính các phần vào vở.  - GV gọi HS lên bảng chữa bài  - Tổ chức chữa bài, nhận xét.  -Chốt cách đặt tính và tính các phép tính nhân, chia số có hai, ba chữ số với (cho) số có một chữ số.  b) Tính giá trị của các biểu thức  - GV mời HS nêu yêu cầu bài  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở, HS lên bảng làm bài.  + Hãy nêu lại cách tính cộng, trừ, nhân với số 0 và số 0 chia cho một số?  -Chốt trình tự thực hiện tính giá trị biểu thức và tính chất cộng, trừ, nhân với số 0 và số 0 chia cho một số.  Bài 3.  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - Cho HS thảo luận nhóm 4 để phân tích và tìm hướng giải cho bài toán.  - Tổ chức phân tích bài toán trước lớp.  + Muốn biết cần vận chuyển ít nhất mấy chuyến để hết 55 thùng hàng ta làm như thế nào?  + Mỗi thùng hàng cân nặng 100 kg, muốn biết mỗi chuyến xe đó vận chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam hàng ta thực hiện phép tính gì?  - Cho HS làm bài cá nhân vào vở, GV quan sát, giúp đỡ.  - Gọi HS chữa bài.  - Tổ chức nhận xét, đối chiếu bài làm  - GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu  - HS tham gia trò chơi nêu kết quả các PT.  - 1 HS nêu yêu cầu bài  - HS có thể hỏi đáp lẫn nhau để thực hiện yêu cầu bài. Ví dụ:  + Bạn cho tôi biết hình A được chia thành mấy phần bằng nhau? (2 phần)  + Hình A được tô màu mấy phần? (1 phần)  + Vậy hình A đã được tô màu một phần mấy? ()  Cứ như vậy HS xác định được các hình còn lại.  - Đại diện một số cặp báo cáo:  **B**:  **C**:  **D**:  **E**:  - 1 HS nêu yêu cầu bài  - Các cá nhân làm bài. Đổi chéo vở kiểm tra lẫn nhau.  - 4 HS chữa bài trên bảng   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  | | --- | --- | | x | 34 | | 2 | |  | 68 | | |  |  | | --- | --- | | x | 121 | | 4 | |  | 484 | |   - HS chia sẻ cách làm  - Nhận xét, đánh giá  - 1 HS nêu đề bài.  - Lần lượt HS nhận xét:  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.   |  |  | | --- | --- | | 54 – 0 : 9 = 54 – 0  = 54 | 54 : 9 x 0 = 6 x 0  = 0 |   (36 + 0) x 1 = 36 x 1  = 36  (36 +1) x 0 = 37 x 0  = 0  - Lần lượt HS nêu:  + Số nào cộng, trừ với số 0 đều bằng chính số đó.  + Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.  + 0 chia cho số nào cũng bằng 0.  - Vài HS nêu lại  - 2 HS đọc đề bài  - Các nhóm trưởng điều hành các bạn phân tích bài toán và nêu hướng giải.  - 2 HS phân tích bài toán phần a và phần b.  + Ta thực hiện phép tính chia 55 : 5  + Ta thực hiện phép tính nhân 100 x 5  - HS làm bài vào vở, đổi chéo kiểm tra lẫn nhau  - 2 HS lên bảng làm  Bài giải  a) Để vận chuyển hết 55 thùng hàng, chiếc xe cần vận chuyển ít nhất số chuyến là:  55 : 5 = 11 (chuyến)  Đáp số: 11 chuyến  b) Mỗi chuyến xe đó vận chuyển được nhiều nhất số ki-lô-gam hàng là:  100 x 5 = 500 (kg)  Đáp số: 500 kg hàng  - HS nhận xét, bổ sung. |
| **3. Vận dụng.**  - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”  + 0 x 5 x 12 = ?  + 30 : 5 x 0 = ?  + 6 x ( 6 – 6 ) = ?  - GV nhận xét, tuyên dương HS chơi tốt.  - Nhận xét tiết học. | - HS chơi cá nhân.  + 0 x 5 x 12 = 0  + 30 : 5 x 0 = 0  + 6 x ( 6 – 6 ) = 0  - HS lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .....................................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 58: ÔN TẬP CHUNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Ôn tập nhận biết hình tam giác, hình tứ giác. Thực hiện thành thạo cách dùng

ê ke kiểm tra góc vuông, góc không vuông.

- Giải quyết các vấn đề liên quan đến so sánh cân nặng của một số vật.

- Thực hiện tính được chu vi hình chữ nhật.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, Bảng phụ ghi các bài tập.

- HS: SGK , vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi “Đố bạn” để khởi động bài học.    - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Ôn tập chung* | | - HS tham gia trò chơi  + 35 + 1 = 36  + 29 – 29 = 0  + 0 x 3 x 12 = 0  + 0 : 28 x 5= 0  + 1 – 2 + 3 = 2  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập**:  Bài 4. (Làm việc theo cặp)  **-** Yêu cầu HS nêu đề bài  - Cho HS thảo luận theo cặp để làm bài  - GV theo dõi và hỗ trợ HS nếu cần.  - Tổ chức báo cáo trước lớp  - GV và HS cùng nhận xét, đánh giá  b) Dùng ê ke để kiểm tra xem hình nào ở câu a có góc vuông.  - HS làm việc cặp đôi  - Gọi HS báo cáo kết quả  - GV nhận xét, tuyên dương.  Chốt:Hình tam giác có 3 đỉnh và 3 cạnh; hình tứ giác có 4 đỉnh và 4 cạnh.  Bài 5: (Làm việc cá nhân)  - GV cho HS đọc bài toán, phân tích.  + Bài toán cho biết gì và yêu cầu gì?  + Tấm thảm có dạng hình gì?  + Nêu lại cách tính chu vi hình chữ nhật?  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân vào vở.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS nêu yêu cầu bài  - Các cặp trao đổi, hỏi đáp để tìm ra các hình tam giác, hình tứ giác và đọc tên các hình đó.  - Đại diện một số cặp báo cáo kết quả:   |  |  | | --- | --- | | **Hình tứ giác LMNK** | **Hình tam giác DAK** |   - Lớp theo dõi, nhận xét.  - Các cặp dùng ê ke để kiểm tra và báo cáo kết quả:  + Hình tứ giác LMNK có góc vuông đỉnh M và đỉnh N.  + Hình KMNPI có góc vuông đỉnh K, cạnh KI, KM.  - HS nhận xét, bổ sung.  - 1 HS dọc bài toán  + Bài toán cho biết tấm thảm có chiều dài 8m, chiều rộng 4m. Bài toán yên cầu tính chu vi tấm thảm.  + Tấm thảm có dạng hình chữ nhật.  + Ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2.  - HS làm cá nhân làm bài vào vở. 1 HS làm trên bảng phụ.  Bài giải  Chu vi tấm thảm là:  (8 + 4) x 2 = 24 (m)  Đáp số: 24 m  - Lớp đối chiếu bài, nhận xét. | |
| **3. Vận dụng**  Bài 6:Quan sát hình vẽ, chọn chữ đặt trước đáp án đúng. (Làm việc cả lớp)  - Cho HS nêu yêu cầu của bài.  - Cho HS quan sát hình vẽ, lập luận để so sánh cân nặng của hai vật màu xanh và màu đỏ.  - Cho HS làm bài cá nhân vào vở, 3 HS lên bảng làm bài.  - Đáp án nào là đúng?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Củng cố cách so sánh cân nặng của một số vật trên cân đĩa.  - Dặn HS về nhà ôn bài để kiểm tra học kì. | - 1 HS nêu yêu cầu của bài  -Cân nặng của vật màu đỏ và vật màu xanh được so sánh với nhau bằng chiếc cân 2 đĩa.  + Quan sát hình bên trái: Cân ở vị trí thăng bằng, nên cân nặng của vật màu vàng bằng cân nặng của vật màu xanh.  + Quan sát hình bên phải: Cân ở vị trí thăng bằng, nên cân nặng của vật màu vàng bằng cân nặng của vật màu đỏ. Kết luận: Cân nặng của vật màu đỏ và vật màu xanh bằng nhau. (Vì cùng bằng cân nặng của vật màu vàng).  - Đáp án C | |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .....................................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................... | | |

**TOÁN**

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ I**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**Bài 14: CHỨC NĂNG MỘT SỐ BỘ PHẬN CỦA THỰC VẬT (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:** Sau khi học, học sinh sẻ:

- Trình bày được chức năng một số bộ phận của thực vật ( sử dụng sơ đồ, tranh ảnh)

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình… trong các hoạt động học tập.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có biểu hiện yêu quý những người trong gia đình, họ hàng, biết nhớ về những ngày lễ trọng đại của gia đình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, SGK và các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi khởi động  - GV nhận xét tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe |
| **2. Khám phá:**  Hoạt động 1: Quá trình phát triển của cây đu đủ  - GV yêu cầu HS quan sát các hình và nói được quá trình phát triển của cây đủ đủ từ hạt.  - GV mời các nhóm trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương  Hoạt động 2: Chức năng của hoa và quả  - GV gợi ý cho các nhóm quan sát nơi chứa hạt ở hình 9 để thấy vai trò của quả, đặc điểm của cây trưởng thành để thấy vai trò của hoa trong việc tạo quả.  + Bên trong quả đu đủ chứa gì?  + Hoa có chức năng gì?  + Quả có chức năng gì?  - GV mời các HS khác nhận xét.  - GV kết luận | - HS thực hiện theo yêu cầu, chia sẻ trong nhóm  Cây đu đủ mọc lên từ hạt nảy mầm -> lớn lên -> nở hoa -> kết trái -> trái chín -> gieo hạt mọc cây  - Một số nhóm chia sẻ  - Các nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe và trả lời  + Chứa hạt  + Hoa giúp cây tạo quả  + Quả chứa hạt, hạt mọc thành cây mới  - HS nhận xét, bổ sung |
| **3. Thực hành***:*  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “ Tôi là bộ phận nào của cây”  **-** GV yêu cầu các nhóm đố nhau về chức năng các bộ phận: rễ, thân, lá, hoa, quả của cây  *-* Yêu cầu đại diện các nhóm tham gia trò chơi  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS thực hiện  + “Tôi” hút nước và muối khoáng.  + “Bạn” là... |
| **3. Vận dụng***:*  Hoạt động 3. (Làm việc nhóm 4)  - GV yêu cầu HS đọc câu dẫn và trả lời câu hỏi  + Chiếc hộp cần đặc điểm gì để có thể vận chuyển được cây?  - Mời đại diện các nhóm trình bày.  - GV yêu cầu HS liệt kê các đồ dùng đã chuẩn bị: cây, hộp...  - GV chốt kiến thức và đồ dùng cần thiết để làm hộp | - Học sinh đọc câu dẫn, trả lời câu hỏi và chia sẻ ý kiến với các bạn trong nhóm  -Chiếc hộp cần có đặc điểm chắn chắn, kín đáo, độ lớn vừa phải, không dễ bị móp méo để cây không bị hỏng sau một ngày vận chuyển.  - Chiếc hộp có chiều cao 20, chiều rộng 15 phù hợp với kích thước của cây nhỏ. |
| Hoạt động 4. Thực hành làm hộp  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu  - GV tổ chức cho HS thảo luận sử dụng các đồ dùng đã chuẩn bị để cắt, dán,...tạo thành một chiếc hộp đảm bảo có chỗ trao đổi không khí, vừa với cây của nhóm | - HS đọc yêu cầu  - HS thảo luận và thực hiện |
| Hoạt động 5. Trưng bày sản phẩm  - GV tổ chức cho các nhóm giới thiệu sản phẩm của nhóm mình về chiếc hộp đã làm.  - GV nhận xét và khen ngợi  - Gọi HS đọc lời chốt của ông Mặt Trời  - GV dặn dò, nhận xét tiết học | - Các nhóm trình bày sản phẩm  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................. | |

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**MỘT SỐ BỘ PHẬN CỦA ĐỘNG VẬT VÀ CHỨC NĂNG CỦA CHÚNG (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:** Sau khi học, học sinh sẽ:

-Vẽ hoặc sử dụng sơ đồ sẵn có để chỉ vị trí và nói (hoặc viết) được tên một số bộ phận của động vật.

-Trình bày được chức năng của các bộ phận đó (sử dụng sơ đồ, tranh ảnh).

-So sánh được đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau; Phân loại được động vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm cơ quan di chuyển,...).ư

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình… trong các hoạt động học tập.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, Hình ảnh một số con vật quen thuộc ở địa phương.

- GV: Tranh vẽ/ảnh chụp một số con vật), 1 tờ giấy khổ A3, hồ dán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Hãy kể tên một số con vật mà em biết. Em nhớ nhất đặc điểm nào của chúng? Để HS nói về một số đặc điểm khác nhau của những động vật mà HS biết hoặc nhớ nhất.  -GV khuyến khích HS chia sẻ hiểu biết, không chốt ý kiến đúng/sai, dẫn vào bài mới. | - HS chia sẻ một số con vật mà em biết: con vịt, con lợn, con gà, con chó, con mèo,...  - Em nhớ nhất là cái mỏ của con vịt và đôi mắt của con mèo.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:*  Hoạt động 1. (làm việc nhóm đôi)  **-**GV yêu cầu HS đọc câu dẫn của hoạt động, quan sát hình 1 theo nhóm đôi chọn một số con trong hình và thực hiện theo yêu cầu của hoạt động.  -GV yêu cầu đại diện một số nhóm HS lên giới thiệu về tên con vật, nơi sống, đặc điểm nổi bật của con vật đó  - Con bò có thể bơi được dưới nước không? Con nai có thể bay như con chim được không? Vì sao?  -GV rút ra nhận xét: *động vật rất đa dạng, các con vật khác nhau, sống ở những nơi khác nhau có những đặc điểm cơ thể, đặc điểm bên ngoài khác nhau.* | - Học sinh đọc yêu cầu bài và HS quan sát và thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện nhóm trả lời  (ví dụ: con bò sữa, sống ở đồng cỏ, có bộ lông đen, trắng; con nai có sừng; con vịt bơi dưới nước, vịt có bộ lông nhiều màu,…).  - HS trả lời  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ1 |
| Hoạt động 2. (làm việc cá nhân)  -GV yêu cầu HS đọc yêu cầu hoạt động và quan sát các hình từ 2 đến 5 trong SGK.  -GV bao quát các nhóm, gợi ý HS quan sát hình phóng to, tên của bộ phận đó ở mỗi con vật, so sánh nhận xét về đặc điểm các bộ phận của một số con vật (không cần so sánh tất cả các con vật với nhau).  -GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm, các nhóm khác bổ sung, nhận xét.  -GV nhận xét, chốt kiến thức. | - Học sinh đọc yêu cầu bài và tiến hành quan sát kĩ từng hình, thực hiện theo yêu cầu hoạt động.  -HS chia sẻ kết quả quan sát: nói được tên các bộ phận chính; tên lớp che phủ bên ngoài con vật; so sánh, nhận xét của mình trong nhóm.   * Một số bộ phận bên ngoài của con vật:   + Con tôm: vỏ, đầu, đuôi, chân.   + Con cá: vảy, vây, đuôi.   + Con chim: lông, cánh, mỏ, chân.   + Con mèo: Lông, chân, mắt, tai, đuôi.   Lớp che phủ bên ngoài của mỗi loài vật là khác nhau để thích nghi với điều kiện và môi trường sống của từng loài.  - HS lắng nghe. |
| Hoạt động 3. (Làm việc nhóm 4)  -Yêu cầu HS đọc yêu cầu hoạt động, quan sát nội dung từng hình và trả lời câu hỏi.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả quan sát và chia sẻ nhóm.  -GV chốt kiến thức. | - Học sinh đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  -HS quan sát và nói được hoạt động của con vật và nơi sống của chúng, tên bộ phận giúp con vật thực hiện hoạt động đó. Sau khi thực hiện hoạt động, HS chia sẻ trong nhóm.  - HS lắng nghe.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên con vật** | **Hoạt động** | **Bộ phận thực hiện hoạt động** | | Con cá | Bơi | Vảy | | Con chim | Bay | Cánh | | Con ngựa | Chạy | Chân | | Con cua | Bò | Càng và chân | |
| **3. Hoạt động nối tiếp.**  -GV nhắc mỗi HS chuẩn bị mang đến lớp giờ học sau hình ảnh (ảnh chụp hoặc vẽ) một số động vật mà em biết; mỗi nhóm 1 tờ giấy khổ A3 hoặc tờ lịch tường đã qua sử dụng.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS lắng nghe và thực hiện |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ....................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................... | |

**Hoạt động trải nghiệm**

# **CHỦ ĐỀ 5: NĂM MỚI VÀ VIỆC TIÊU DÙNG THÔNG MINH (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.

- Xác định được những thứ thực sự cần mua đề tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể.

- Biết tiết kiệm khi sử dụng điện, nước trong gia đình.

- Tham gia được các hoạt động chào đón năm mới của trường, lớp và gia đình.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.

**2. Phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ: Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.

- Phẩm chất trách nhiệm: Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể; Biết tiết kiệm khi sử dụng điện, nước trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch dạy học. Một số hóa đơn tiền điện, nước.

- Hình ảnh trang phục đón năm mới của một số dân tộc khác nhau;

- Một số mặt hàng thường được sử dụng đón năm mới gần gũi với đời sống của HS.

**2. Học sinh:** SGK Hoạt động trải nghiệm 3, Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 3;

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| SHDC: Tìm hiểu phong tục đón năm mới của địa phương  - HS điều khiển lễ chào cờ.  - Lớp trực tuần nhận xét thi đua.  - TPT hoặc đại diện BGH nhận xét bổ sung và triển khai các công việc tuần mới.  - GV tổ chức cho HS tham gia nghe kể chuyện về phong tục đón năm mới của địa phương theo kế hoạch của nhà trường.  - Yêu cầu HS trao đổi với bạn về phong tục đón năm mới của địa phương và khuyến khích HS đặt các câu hỏi liên quan đến phong tục đón năm mới của địa phương.  - Liên hệ với thói quen đón năm mới ở gia đình em.  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động bằng tiết mục văn nghệ về chủ đề Ngày Tết. | - HS chào cờ  - Lớp trực tuần nhận xét thi đua các lớp trong tuần qua.  - HS lắng nghe kế hoạch tuần mới.  - HS tham gia nghe kể chuyện về phong tục đón năm mới của địa phương theo kế hoạch của nhà trường.  - HS trao đổi với các bạn.  -HS chia sẻ thói quen đón năm mới ở gia đình và so sánh với phong tục đón năm mới ở địa phương.  - HS cùng tham gia |

**VI. Điều chỉnh sau bài dạy:**

…………………………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………….

**Hoạt động trải nghiệm**

# **CHỦ ĐỀ 5: NĂM MỚI VÀ VIỆC TIÊU DÙNG THÔNG MINH (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.

- Xác định được những thứ thực sự cần mua đề tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể.

- Biết tiết kiệm khi sử dụng điện, nước trong gia đình.

- Tham gia được các hoạt động chào đón năm mới của trường, lớp và gia đình.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.

**2. Phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ: Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.

- Phẩm chất trách nhiệm: Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể; Biết tiết kiệm khi sử dụng điện, nước trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch dạy học.

**2. Học sinh:** SGK Hoạt động trải nghiệm 3, Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 3;

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động:**  - Giáo viên cho HS hát bài: “ Sắp đến tết rồi”.  + Bài hát nói lên điều gì?  **2. Khám phá kiến thức, luyện tập**  Hoạt động 3: Báo cáo kết quả tìm hiểu về thu nhập của các thành viên trong gia đình.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm đôi về kết quả tìm hiểu mức thu nhập hằng tháng của các thành viên trong gia đình.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “chuyền bóng” để báo cáo kết quả thảo luận.  - GV phổ biến luật chơi: HS chuyền nhau một đồ vật ( GV qui định) cho các bạn trong tổ về kết quả thu nhập của các thành viên trong gia đình mình. Khi GV hô dừng thì đồ vật nằm trong tay bạn nào thì bạn đó báo cáo trước lớp.  - GV nhận xét và đưa ra kết luận: *Mỗi gia đình có một mức thu nhập khác nhau, do đó cần có kế hoạch chi tiêu, tiết kiệm tiền phù hợp với hoàn cảnh khác nhau.*  Hoạt động 4: Lập danh sách những món hàng cần mua để đón năm mới  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, yêu cầu liệt kê những món hàng muốn mua để đón năm mới. GV khuyến khích HS kể được càng nhiều càng tốt. Sau khi liệt kê các món hàng xong, HS sẽ lựa chọn một số món hàng để chia sẻ với bạn trải nghiệm về món hàng đó đã được bản thân và gia đình sử dụng như thế nào.  - GV gọi các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.  - GV tổ chức cho HS lập danh sách theo những món hàng cần mua để đón năm mới phù hợp với gia đình mình theo gợi ý trong SGK trang 50.  - GV mời đại diện một số nhóm lên chia sẻ danh sách món hàng cần mua của gia đình mình và yêu cầu HS nêu lí do vì sao em lựa chọn những món hàng đó  - GV nhận xét, tuyên dương  Hoạt động 5: Sắm vai xử lí tình huống  - Mời HS đọc yêu cầu và 2 tình huống  - GV gợi ý:  + Chuyện xảy ra ở đâu?  + Trong hoàn cảnh đó, em xử lí như thế nào?  - GV tổ chức cho các nhóm sắm vai và thể hiện cách xử lí của nhóm mình. Các nhóm khác có thể đưa ra câu hỏi thắc mắc (nếu có)  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động: *Việc mua sắm, chi tiêu luôn luôn cần sự cân nhắc giữa nhu cầu và mong muốn. Nhu cầu và mong muốn của mỗi người, mỗi gia đình khác nhau, nên việc mua sắm cần theo tình hình thu nhập của gia gia đình, số tiền mình có, cần đổi với các khoản chi tiêu khác. Tiết kiệm trong chi tiêu là việc làm cần thiết.* | - HS hát  - HSTL.  - HS làm việc nhóm đôi, chia sẻ mức thu nhập hằng tháng của các thành viên trong gia đình.  - HS chơi trò chơi để báo cáo kết quả thảo luận.  - HS nghe GV nhận xét, tổng kết  - HS đọc yêu cầu  - HS quan sát tranh và làm việc nhóm đôi, chia sẻ những món hàng cần mua để đón năm mới của gia đình mình.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Tên món hàng | Số lượng | | 1 | Bánh chưng | 5 cái | | 2 | Giò chả | 1kg | | 3 | Gà | 3 con | | 4 | Hoa mai | 2 cành | | 5 | Chuối | 1 nải | | 6 | Quýt | 1kg | | 7 | Bưởi | 3 quả | | 8 | Táo | 1 kg | | 9 | Mứt tết | 3 hộp | | 10 | Bánh kẹo | 4 gói |   - Đại diện nhóm trình bày. Sau đó giải thích vì sao chọn món hàng đó.  - 1 HS đọc  - HS các nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV và sắm vaoi xử lí tình huống.  -Tình huống 1: Nếu là Dũng, em sẽ không xin mẹ mua đôi giày thể thao đó mà tiếp đi đôi giày cũ đến khi hỏng mới xin mua đôi mới.  -Tình huống 2: Nếu là Lan, em sẽ nghe lời chị không mua cuốn sách ấy nữa và hôm sau đến thư viện của trường để mượn.  - Các nhóm thực hiện sắm vai và xử lí tình huống - bổ sung - nhận xét |

**VI. Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Hoạt động trải nghiệm**

# **CHỦ ĐỀ 5: NĂM MỚI VÀ VIỆC TIÊU DÙNG THÔNG MINH (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.

- Xác định được những thứ thực sự cần mua đề tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể.

- Biết tiết kiệm khi sử dụng điện, nước trong gia đình.

- Tham gia được các hoạt động chào đón năm mới của trường, lớp và gia đình.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.

**2. Phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ: Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.

- Phẩm chất trách nhiệm: Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể; Biết tiết kiệm khi sử dụng điện, nước trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Kế hoạch dạy học, một số hoá đơn tiền điện, nước.

2. Học sinh: SGK, Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 3;

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Hoạt động Khởi động:**  **-** GV cho HS tổ chức trò chơi để khởi động.  - GV nhận xét, giới thiệu bài học.  **2. Hoạt động Thực hành**:  HĐ1: Báo cáo sơ kết công tác tuần  - GV yêu cầu các tổ trưởng báo cáo:  + Đi học chuyên cần:  + Tác phong, đồng phục .  + Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập  + Vệ sinh.  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích, nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  HĐ 2:Làm phiếu điều tra về việc sử dụng điện, nước của gia đình.  - GV sử dụng các hóa đơn tiền điện, nước để giới thiệu cho HS hiểu đâu là số điện, số nước sử dụng và số tiền tương ứng với số, nước đã sử dụng đó.  - GV hướng dẫn HS làm Phiếu điều tra về số điện, nước tiêu thụ và số tiền điện, nước đã chi trả trong gia đình trong thời gian gần nhất.  + GV mời một số HS đọc các thông tin trên hóa đơn điện, nước.  + GV hướng dân HS ghi các thông tin trên hóa đơn vào Phiếu điều tra.  - GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu điều tra theo gợi ý trong SGK trang 50. | - HS tổ chức trò chơi theo HD của GV.  - Cả lớp tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe  - Từng tổ lần lượt báo cáo hoạt động của tổ trong tuần trước lớp.  - HS nhận xét bổ sung.  - Lớp trưởng nhận xét tổng hợp chung cả lớp.  - HS lắng nghe  - HS theo dõi trên phiếu điện, nước đã chuẩn bị trước.  - HS dựa vào gợi ý trong SGK và hướng của GV để làm Phiếu điều tra.  - HS nêu các thông tin về số điện, nước và số tiền trên Phiếu.  - HS hoàn thành Phiếu điều tra về tiền điện, nước của gia đình mình và trình bày cho cả lớp nghe. |

**VI. Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**BÀI 3: PHỐI HỢP DI CHUYỂN VƯỢT QUA**

**CÁC CHƯỚNG NGẠI VẬT KHÁC NHAU (tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**2.Năng lực:**

- Học phối hợp di chuyển vượt chướng ngại vật thấp với động tác bước ngang và vượt chướng ngại vật cao. Bước đầu biết cách thức thực hiện động tác. Tự sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện, để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước khẩu lệnh, cách thực hiện động tác phối hợp di chuyển vượt chướng ngại vật thấp với động tác bước ngang và vượt chướng ngại vật cao. trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

- NL chăm sóc SK:  Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện. Biết điều chỉnh trang phục để thoải mái và tự tin khi vận động, biết điều chỉnh chế độ dinh dưỡng đảm bảo cho cơ thể.

**2.Phẩm chất:**

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

- NL giải quyết vấn dề và sáng tạo: Thông qua việc học tập tích cực, chủ động tiếp nhận kiến thức và tập luyện.

- Tích cực, trung thực và chăm chỉ trong tập luyện.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên:  Kế hoạch dạy học, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

-Học sinh: Giày thể thao, trang phục thể thao

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**  - Chạy nhẹ nhàng 1 vòng quanh sân tập.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  **3. Trò chơi.**  - Trò chơi *“Bật cóc qua vòng tròn”.*    **II. Hoạt động hình thành kiến thức.**  \* Phối hợp di chuyển vượt chướng ngại vật thấp với động tác bước ngang và vượt chướng ngại vật cao.  + TTCB: Đứng tự nhiên  + Động tác: Đi thường về trước, khi gặp chướng ngại vật thấp thì xoay người bước ngang qua, rồi xoay người theo hướng di chuyển tiếp tục đi thường khi gặp chướng ngại vật cao thực hiện đi vòng qua, hai tay phối hợp tự nhiên, mắt nhìn đường đi; sau đó đi thường về đích.  + Kết thúc: về TTCB  **III. Hoạt động luyện tập.**  1. Phối hợp di chuyển vượt chướng ngại vật thấp với động tác bước ngang và vượt chướng ngại vật cao.  *Tập đồng loạt*  *Tập theo tổ nhóm*  *Thi đua giữa các tổ*  **2.Trò chơi** *“Chuyển hàng”.*    **IV. Vận dụng**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà. | 6-10 phút  1-2 phút  3-5 phút  1-2 phút  5-7 phú  10-15 phút  8-10 phút  2-4 phút  3-5 phút  1-3 phút  4-6 phút | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của Hs.  - Cô trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  -Gv tổ chức Hs chơi trò chơi.  - Cho HS quan sát tranh  - GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - Hô nhịp và thực hiện động tác mẫu, hướng dẫn Hs thực hiện đt.  - Gv quan sát, uốn nắm và sửa sai cho Hs.  - Gv hô nhịp 1 lần và giao cán sự lớp hô.  - Hs tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho Hs.  - Yêu cầu Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  -Tuyên dương tổ tập đều, đúng nhất.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng hs nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho Hs chơi thử.  - Tổ chức cho Hs chơi.  - GV hướng dẫn.  - Gv cùng hs hệ thống lại bài (đưa câu hỏi).  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của Hs.  - HD sử dụng SGK để Hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.    GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - Cán sự điều khiển lớp khởi động .  - Hs chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn.  - Hs lắng nghe, tiếp thu và ghi nhớ.  - Tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv.  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*    \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  GV  - Hs tiến hành tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp.  - Hs thay phiên nhau hô nhịp.  \* \* \* \* \*  \* \* \*  \* \*  \* \* GV \* \* \* \*  \* \* \*  \* \* \* \* \*  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  - Hs nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - Hs tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn.  - HS thực hiện thả lỏng  - Hs cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát SGK (tranh) trả lời)  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \* |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**BÀI 3: PHỐI HỢP DI CHUYỂN VƯỢT QUA**

**CÁC CHƯỚNG NGẠI VẬT KHÁC NHAU (tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Năng lực:**

- Ôn phối hợp di chuyển vượt chướng ngại vật thấp với động tác bước ngang và vượt chướng ngại vật cao. Biết cách thức thực hiện động tác. Tự sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện, để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước khẩu lệnh, cách thực hiện động tác phối hợp di chuyển vượt chướng ngại vật thấp với động tác bước ngang và vượt chướng ngại vật cao. trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

- NL chăm sóc SK:  Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện. Biết điều chỉnh trang phục để thoải mái và tự tin khi vận động, biết điều chỉnh chế độ dinh dưỡng đảm bảo cho cơ thể.

- NL giải quyết vấn dề và sáng tạo: Thông qua việc học tập tích cực, chủ động tiếp nhận kiến thức và tập luyện.

- Tích cực, trung thực và chăm chỉ trong tập luyện.

**2.Phẩm chất:**

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Kế hoạch dạy học, Trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

-Học sinh: Giày thể thao, trang phục thể thao

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**  - Chạy nhẹ nhàng 1 vòng quanh sân tập.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  **3. Trò chơi.**  - Trò chơi *“Bật cóc qua vòng tròn”.*    **II. Hoạt động luyện tập.**  1. Phối hợp di chuyển vượt chướng ngại vật thấp với động tác bước ngang và vượt chướng ngại vật cao.  *Tập đồng loạt*  *Tập theo tổ nhóm*  *Thi đua giữa các tổ*  **2.Trò chơi** *“Chuyển hàng”.*    **III. Vận dụng**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà. | 6-10 phút  1-2 phút  3-5 phút  1-2 phút  18-22 phút  12-15 phút  2-4 phút  5-7 phút  1-3 phút  4-6 phút | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của Hs.  - Cô trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  -Gv tổ chức Hs chơi trò chơi.  - Gv hô nhịp 1 lần và giao cán sự lớp hô.  - Hs tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho Hs.  - Yêu cầu Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  -Tuyên dương tổ tập đều, đúng nhất.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng hs nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho Hs chơi thử.  - Tổ chức cho Hs chơi.  - GV hướng dẫn.  - Gv cùng hs hệ thống lại bài (đưa câu hỏi).  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của Hs.  - HD sử dụng SGK để Hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.    GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - Cán sự điều khiển lớp khởi động .  - Hs chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn.  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  GV  - Hs tiến hành tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp.  - Hs thay phiên nhau hô nhịp.  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  - Hs nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - Hs tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn.  - HS thực hiện thả lỏng  - Hs cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát SGK (tranh) trả lời) |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………